

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No. ~~1000~~2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020
Hanoi, 20 October 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **19/10/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	560	2.2%
2	CTG	5,930	17.1%
3	EIB	1,540	2.5%
4	HCM	250	0.5%
5	HDB	2,900	6.6%
6	MBB	9,320	15.4%
7	SSI	1,130	1.9%
8	STB	8,880	11.3%
9	TCB	6,940	14.5%
10	VCB	1,720	14.0%
11	VPB	6,160	14.0%
II	Tiền/Cash (VND)	1,173,557	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:


- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 1,082,005,500 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 1,083,179,057 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 1,173,557 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason: 

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	18,150	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	42,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	17,850	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	22,650	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	VPB	24,600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 19/10/2020	Kỳ trước/Last Period 16/10/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	82,700,000	82,700,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	10,950	10,920	30
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	895,789,080,534	888,024,528,783	7,764,551,751
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,083,179,057	1,073,790,240	9,388,817
của 1 CCQ/ per Share	10,831.79	10,737.90	93.89
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,082.53	1,069.82	12.71

Đại diện tổ chức
Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC